

Số: /QĐ-UBND

Hưng Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục,
năm học 2025-2026 các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở
trên địa bàn xã Hưng Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 142/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục khối mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1637/SGD&ĐT-TC&ĐTGD ngày 23/6/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc thông báo kế hoạch phát triển Sự nghiệp giáo dục khối mầm non, tiểu học, và trung học cơ sở năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của huyện Hưng Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2025-2026 cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã, cụ thể:

1. Mầm non:

- 05 trường công lập (01 điểm trường lẻ), 07 trường tư thục.
- Nhà trẻ: 18 nhóm trẻ với 405 cháu. Trong đó công lập: 10 nhóm với 250 cháu, ngoài công lập: 8 nhóm với 155 cháu.
- Mẫu giáo: 56 lớp với 1583 cháu. Trong đó công lập: 51 lớp với 1463 cháu, ngoài công lập: 5 lớp với 120 cháu.

2. Tiểu học: Tổng số trường: 05 trường công lập, 106 lớp với 3826 học sinh.

3. Trung học cơ sở: 04 trường công lập (01 điểm trường lẻ), 67 lớp với 2951 học sinh.

(Có bảng phụ lục chỉ tiêu kế hoạch phát triển từng trường kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng liên quan và các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã căn cứ kế hoạch được phê duyệt triển khai, thực hiện có hiệu quả.

2. Tiếp tục rà soát thực hiện về quy mô trường học theo lộ trình tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Hợp phần Giáo dục và Đào tạo) và Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Đề án sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và định hướng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2018-2021 và những năm tiếp theo.

3. Các cơ quan và phòng ban liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2025-2026, kế hoạch sử dụng ngân sách sự nghiệp giáo dục được phân bổ và việc sử dụng cán bộ, viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng: Văn hóa – Xã hội, Kinh tế; Hiệu trưởng các Trường học; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Anh Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG NGUYỄN

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hưng Nguyễn)

TT	Tên trường, Nhóm, điểm trường	Phường, xã, thôn bản	Nhà trẻ											Mẫu giáo														
			Nhóm trẻ						Số cháu nhà trẻ					Số lớp						Tr.đó số lớp 5-6 tuổi	Tr.đó số lớp 5-6 tuổi Bán trú	Số học sinh						
			Tổng số	Chia ra			Trong đó		Tổng số	Chia ra			Trong đó		Tổng số	Chia ra			Trong đó			Tổng số	Chia ra			Trong đó		
				3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	Bán trú	Không bán trú		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	Bán trú	Không bán trú		3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	Bán trú				Không bán trú	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	Bán trú	Không bán trú
1	MN Hưng Thịnh	Xóm Trung Thịnh	2			2	2		50			50	50		7	2	3	2	7		2	2	201	53	81	67	201	
2	MN Hưng Mỹ	Xóm Mỹ Thanh	2			2	2		50			50	50		8	2	3	3	8		3	3	222	57	80	85	222	
3	MN Hưng Đạo	Xóm Hưng Đạo 3	2			2	2		50			50	50		12	4	4	4	12		4	4	324	97	106	121	324	
4	MN Nguyễn Huệ	Xóm Chi Nê	2			2	2		50			50	50		14	4	5	5	14		5	5	431	106	153	172	431	
5	MN Hưng Tây	Xã Hưng Nguyên	2			2	2		50			50	50		10	3	4	3	10		3	3	285	80	110	95	285	
	Cơ sở 2	Xóm Thượng Khê	1			1	1		25			25	25		6	2	2	2	6		2	2	170	50	60	60	170	
	Cơ sở 1	Xóm Khoa Đà	1			1	1		25			25	25		4	1	2	1	4		1	1	115	30	50	35	115	
	Cộng MN Công lập		10			10	10		250			250	250		51	15	19	17	51		17	17	1 463	393	530	540	1 463	
1	NL MN Minh Anh	Xóm Phúc Hòa	1			1	1		20			20	20		2	1	1		2				50	30	20		50	

2	NL Ngôi sao nhỏ	Xóm Chi Nê	1			1	1		20			20	20		1	1			1				25	25			25	
3	NT Hà Ni	X.Phúc Điền	1			1	1		15			15	15															
4	NL HanaChip	Xóm Chi Nê	2			2	2		40			40	40		1	1			1				25	25			25	
5	NT Tuổi Thơ Ngộ nghĩnh	Xóm Kỳ Đoài	1			1	1		20			20	20															
6	NT DoReMon	Xóm Hưng Đạo 3	1			1	1		20			20	20															
7	NL Thỏ Ngọc 2	Xóm Tân Hợp	1			1	1		20			20	20		1	1			1				20	20			20	
	Cộng MN Tư thực		8			8	8		155			155	155		5	4	1		5				120	100	20		120	
	Tổng cộng :		18			18	18		405			405	405		56	19	20	17	56		17	17	1 583	493	550	540	1 583	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG NGUYỄN

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hưng Nguyễn)

Thứ tự	Tên trường, điểm trường	Phường, xã, thôn bản	Quy mô Lớp, học sinh																							
			Số lớp									Số học sinh														
			Tổng số	Trong đó					Trong tổng số			Tổng số	Trong đó										Trong tổng số			HS 6 tuổi
				lớp 1	lớp 2	lớp 3	lớp 4	lớp 5	lớp 2 buổi/ngày	Số lớp học Tin học	Số lớp học Tiếng Anh		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		lớp 2 buổi/ngày	Số lớp học Tin học	Số lớp học Tiếng Anh	
Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật	Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật									Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật	Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật	Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật	Tổng HS	Tr. Đó HS Kh. tật							
1	TH Hưng Thịnh	Xóm Trung Thịnh	16	3	3	3	3	4	16	13	16	533	94	1	102		103	1	115	1	119	1	533	533	94	94
2	TH Hưng Mỹ	Xóm Mỹ Thanh	13	3	2	3	3	2	13	13	13	437	94		83		91		91	1	78		437	437	94	94
3	TH Hưng Đạo	Xóm Hưng Đạo 3	19	4	4	3	4	4	19	11	11	692	140	2	147	3	120	0	134	2	151	3	692	405	140	140
4	TH Ng Thị Minh Khai	Xóm Kỳ Đoài	30	6	6	6	6	6	30	18	30	1195	228		235	2	247	2	228	1	257	4	1195	1195	228	228
5	TH Hưng Tây	Xóm Thượng Khê	28	5	6	7	5	5	28	17	28	969	185	2	184	2	226	2	187	2	187	3	969	969	185	185
	Tổng cộng (công lập):		106	21	21	22	21	21	106	72	98	3826	741	5	751	7	787	5	755	7	792	11	3826	3539	741	741

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯNG NGUYÊN

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP THCS NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hưng Nguyên)

TT	Tên trường, điểm trường	Tên Phường, Xã, Thôn , bản	Quy mô, lớp, học sinh													
			Số lớp						Số học sinh							
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
				Lớp 6		Lớp 7			Lớp 8		Lớp 9					
				Số Học sinh	HS Khuyết tật	Số Học sinh	HS Khuyết tật		Số Học sinh	HS Khuyết tật	Số Học sinh	HS Khuyết tật				
1	Hưng Thịnh	Xóm Trung Thịnh	11	3	3	3	2	527	135		143	3	151	1	98	
2	Quang Trung	Xóm Hưng Đạo 3	12	3	3	3	3	518	120	4	129	1	138	4	131	3
3	Lê Hồng Phong	Xã Hưng nguyên	26	6	7	7	6	1094	240	4	303	4	318	3	233	2
4	Cơ sở 1	Xóm Kỳ Đoài	12	3	3	3	3	493	105		135		131		122	
	Cơ sở 2	Xóm Chi Nê	14	3	4	4	3	601	135	4	168	4	187	3	111	2

	Hung Tây	Xóm Thượng Khê	18	4	5	5	4	812	190	2	205	2	238	2	179	6
	Cộng công lập		67	16	18	18	15	2951	685	10	780	10	845	10	641	11